SAO Y; BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO; Thời gian ký: 2026-09-22T15:55:42+07:00
Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 23.09.2026 09:31:11 +07:00

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07 /2026/TT-BDTTG	*Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2026*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 97/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội khóa XV về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 297/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 289/2025/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và do Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì soạn thảo, bao gồm:

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch do Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì soạn thảo.

2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm

vụ, hoạt động xây dựng chính sách và soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 197/2025/QH15 và Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP do Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì soạn thảo.

3. Lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

4. Sử dụng chuyên gia, tổ chức tư vấn trong công tác xây dựng pháp luật và một số nhiệm vụ, hoạt động tổ chức thi hành pháp luật hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện nhiệm vụ, hoạt động theo chức năng hoặc theo phân công của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về xây dựng chính sách, soạn thảo, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

2. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

3. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ, hoạt động theo chức năng hoặc theo phân công của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về xây dựng chính sách, soạn thảo, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

Chương II
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 3. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch do Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì soạn thảo

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch do Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì soạn thảo thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo hoặc Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung do Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì soạn thảo thì áp dụng định mức khoán chi như sau:

a) Thông tư/ Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 Thông tư/Thông tư liên tịch trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 Thông tư tương ứng tại mục III Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 và mục A Phụ lục I kèm theo Thông tư này; bằng định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

b) Thông tư/Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 Thông

tư/Thông tư liên tịch thì áp dụng tổng mức chi bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 Thông tư tương ứng tại mục III Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 và mục A Phụ lục I kèm theo Thông tư này; bằng 60% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

c) Thông tư bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 Thông tư tương ứng tại mục III Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 và mục A Phụ lục I kèm theo Thông tư này; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng chính sách và soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 197/2025/QH15

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải xây dựng chính sách thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật không phải xây dựng chính sách thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư này và các văn bản có liên quan.

2. Hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP. Trong đó, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch do Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì soạn thảo và nhiệm vụ, hoạt động xây dựng chính sách và soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 197/2025/QH15 và Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP do Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì soạn thảo thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Sử dụng chuyên gia, tổ chức tư vấn trong công tác xây dựng pháp luật và một số nhiệm vụ, hoạt động tổ chức thi hành pháp luật hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng pháp luật

1. Sử dụng chuyên gia, tổ chức tư vấn trong công tác xây dựng pháp luật và một số nhiệm vụ, hoạt động tổ chức thi hành pháp luật hỗ trợ trực tiếp cho xây

dựng pháp luật được thực hiện theo quy định về phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo trong lĩnh vực quản lý ngân sách.

2. Việc chi trả thù lao, chi phí chuyên gia, tổ chức tư vấn tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 26 và Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành từ ngày 01/7/2025 được thanh toán, quyết toán theo định mức khoán chi quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật gửi hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí xây dựng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Dân tộc và Tôn giáo để nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất xử lý./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Y Vinh Tơr

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ DTTG: Các Thứ trưởng, các Vụ, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- Cục KTrVB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo điện tử;
- Cổng TTĐT Bộ DTTG;
- Lưu: VT, KHTC (08b).

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Phụ lục I

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRONG XÂY DỰNG, BAN HÀNH THÔNG TƯ THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO VÀ THÔNG TƯ LIÊN TỊCH DO BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CHỦ TRÌ XÂY DỰNG

(Kèm theo Thông tư số 07 /2026/TT-BDTTG ngày 18/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Tỷ lệ	Định mức (triệu đồng)	Sản phẩm
A	**Xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành Thông tư**			
	Mức chi cho xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành Thông tư quy định tại mục III Phụ lục II Nghị định số 197/2025/QH15	**100%**	**350**	
I	**Soạn thảo Thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)**	**80%**	**280**	
1	Tổ chức soạn thảo Thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)		1=I-(2+3+4)	Thực hiện theo nội dung 1, mục II, phần C Phụ lục I kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP
2	Rà soát, báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo Thông tư (Văn phòng Bộ)		5	Báo cáo Lãnh đạo Bộ
3	Rà soát, báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ về hồ sơ dự thảo Thông tư (Văn phòng Đảng uỷ)		5	Tờ trình/Báo cáo Ban thường vụ kèm theo hồ sơ liên quan về Thông tư/Văn bản thông báo ý kiến/kết luận
4	Phê duyệt, trình ký ban hành Thông tư			
	- Bộ trưởng		*10*	
	- Thứ trưởng phụ trách đơn vị chủ trì xây dựng Thông tư		*7*	
	- Các thành viên Ban Thường vụ Đảng uỷ (3 trđ/thành viên)		*3*	*Ý kiến của các thành viên*
II	**Thẩm định dự thảo Thông tư (Vụ Pháp chế/ đơn vị được giao thẩm định)**	**12%**	**42**	
1	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định		5-7	Giấy mời/biên bản họp thẩm định
2	Ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng/người tham gia cuộc họp thẩm định		1-1,5	Ý kiến bằng văn bản hoặc ý kiến phát biểu tại cuộc họp
3	Xây dựng báo cáo thẩm định		6-15	Báo cáo thẩm định
III	**Các nhiệm vụ, hoạt động khác phục vụ xây dựng Thông tư**	**8%**	**28**	
1	Thẩm định, phê duyệt dự toán chi tiết, thực hiện thanh quyết toán kinh phí xây dựng Thông tư (Văn phòng Bộ/Bộ phận chủ trì thẩm định dự toán)		10	Quyết định phê duyệt dự toán
2	Tổng hợp dự toán, phân bổ và giao dự toán, tổng hợp quyết toán (Vụ KHTC)		15	Văn bản gửi cấp có thẩm quyền và biên bản xét duyệt quyết toán
3	Rà soát kỹ thuật, thể thức, phát hành Thông tư (Văn thư Bộ)		3	Thông tư đã được ký ban hành
B	**Xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành Thông tư liên tịch do Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì soạn thảo**			Thông tư đã được ký ban hành

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Tỷ lệ	Định mức (triệu đồng)	Sản phẩm
	Mức chi cho xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành Thông tư liên tịch quy định tại mục III Phụ lục II Nghị định số 197/2025/QH15	**100%**	**350**	
I	**Soạn thảo, ban hành Thông tư liên tịch (đơn vị chủ trì soạn thảo)**	**80%**	**280**	
I.1	**Soạn thảo ban hành Thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)**		**Tối đa 168**	Thông tư đã được ký ban hành
1	Xây dựng hồ sơ dự thảo Thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)		1=I.1-(2+3+4)	Hồ sơ Thông tư
2	Rà soát, báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo Thông tư (Văn phòng Bộ)		5	Báo cáo Lãnh đạo Bộ
3	Rà soát, báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ về hồ sơ dự thảo Thông tư (Văn phòng Đảng uỷ)		5	Tờ trình/Báo cáo Ban thường vụ kèm theo hồ sơ liên quan về Thông tư/Văn bản thông báo ý kiến/kết luận
4	Phê duyệt, trình ký ban hành Thông tư			
	- Bộ trưởng		*10*	
	- Thứ trưởng phụ trách đơn vị chủ trì xây dựng Thông tư		*7*	
	- Các thành viên Ban Thường vụ Đảng uỷ (3 trđ/thành viên)		*3*	*Ý kiến của các thành viên*
I.2	**Cơ quan liên tịch soạn thảo, ban hành Thông tư liên tịch (trường hợp có từ 02 cơ quan liên tịch trở lên thì định mức khoán chi ở mục này chia đều cho các cơ quan)**		**Tối đa 112**	
II	**Thẩm định dự thảo Thông tư liên tịch (Vụ Pháp chế/ đơn vị được giao thẩm định)**	**12%**	**42**	
1	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định		5-7	Giấy mời/biên bản họp thẩm định
2	Ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng/người tham gia cuộc họp thẩm định		1-1,5	Ý kiến bằng văn bản hoặc ý kiến phát biểu tại cuộc họp
3	Xây dựng báo cáo thẩm định		6-15	Báo cáo thẩm định
III	**Các nhiệm vụ, hoạt động khác phục vụ xây dựng Thông tư liên tịch**	**8%**	**28**	
1	Thẩm định, phê duyệt dự toán chi tiết, thực hiện thanh quyết toán kinh phí xây dựng Thông tư (Văn phòng Bộ/Bộ phận chủ trì thẩm định dự toán)		10	Quyết định phê duyệt dự toán
2	Tổng hợp dự toán, phân bổ và giao dự toán, tổng hợp quyết toán (Vụ KHTC)		15	Văn bản gửi cấp có thẩm quyền và biên bản xét duyệt quyết toán
3	Rà soát kỹ thuật, thể thức, phát hành Thông tư (Văn thư Bộ)		3	Thông tư đã được ký ban hành

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Phụ lục II

NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI ĐỐI VỚI VĂN BẢN PHẢI XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

(Kèm theo Thông tư số 07 /2026/TT-BDTTG ngày 18 /9/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Bộ luật mới, bộ luật thay thế bộ luật hiện hành (Mục I.1 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành (Mục I.2 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp (Mục I.4 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội (Mục I.6 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Pháp lệnh mới, pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành (Mục I.9 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Nghị định thuộc trường hợp quy định tại Điều 4, điểm c khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành VB QPPL (Mục III.2 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Sản phẩm
I	**Xây dựng chính sách**	**3.920**	**3.500**	**1.820**	**1.400**	**1.120**	**900**	
1	Xây dựng chính sách (đã bao gồm kinh phí: chi trả cho hoạt động lấy ý kiến Thành viên Chính phủ theo quy định tại footnote số 3 và mục C.I.1.11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP; ý kiến tham gia của các đơn vị trong và ngoài Bộ): Thực hiện theo nội dung 1, mục I, phần C Phụ lục I kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP	80,0%						Chính sách được thông qua
2	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác xây dựng chính sách	6,5%						
a	Phê duyệt, ký trình cấp có thẩm quyền thông qua chủ trương ban hành chính sách							Chủ trương được thông qua
	Bộ trưởng	*2,0%*						
	Thứ trưởng chỉ đạo trực tiếp	*2,0%*						

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Bộ luật mới, bộ luật thay thế bộ luật hiện hành (Mục I.1 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành (Mục I.2 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp (Mục I.4 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội (Mục I.6 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Pháp lệnh mới, pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành (Mục I.9 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Nghị định thuộc trường hợp quy định tại Điều 4, điểm c khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành VB QPPL (Mục III.2 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Sản phẩm
b	Rà soát hồ sơ và có ý kiến đối với hồ sơ xây dựng chính sách (Vụ Pháp chế)	2,5%						Văn bản tham gia ý kiến
3	Lấy ý kiến của cơ quan Đảng	4,5%						
	Rà soát hồ sơ, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ hồ sơ xây dựng chính sách (Văn phòng Đảng ủy)	*1,0%*						*Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ*
	Các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ phê duyệt dự thảo hồ sơ chính sách	*3,5%*						*Ý kiến của các thành viên Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ*
4	Rà soát, báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo (Văn phòng Bộ)	1,0%						
5	Rà soát thể thức, phát hành văn bản (Văn thư Bộ)	0,5%						
6	Thẩm định, phê duyệt dự toán chi tiết xây dựng văn bản (bộ phận chủ trì thẩm định dự toán)	2,0%						Quyết định phê duyệt dự toán

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Bộ luật mới, bộ luật thay thế bộ luật hiện hành (Mục I.1 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành (Mục I.2 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp (Mục I.4 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội (Mục I.6 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Pháp lệnh mới, pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành (Mục I.9 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Nghị định thuộc trường hợp quy định tại Điều 4, điểm c khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành VB QPPL (Mục III.2 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Sản phẩm
7	Thực hiện thanh quyết toán kinh phí xây dựng văn bản (bộ phận kế toán của đơn vị)	1,5%						
8	Tổng hợp dự toán, phân bổ và giao dự toán, tổng hợp quyết toán (Vụ KHTC)	4,0%						Văn bản gửi cấp có thẩm quyền và biên bản xét duyệt quyết toán
II	**Soạn thảo, ban hành và các hoạt động hỗ trợ công tác soạn thảo, ban hành văn bản**	**3.920**	**3.500**	**1.820**	**1.400**	**1.120**	**720**	
1	Soạn thảo và hoàn thiện văn bản (đã bao gồm kinh phí chi trả cho hoạt động lấy ý kiến Thành viên Chính phủ theo quy định tại mục C.II.1.8 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP; phối hợp với Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp): Thực hiện theo nội dung 1, mục II, phần C Phụ lục I kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP	80,0%						VB QPPL được ký ban hành

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Bộ luật mới, bộ luật thay thế bộ luật hiện hành (Mục I.1 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành (Mục I.2 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp (Mục I.4 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội (Mục I.6 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Pháp lệnh mới, pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành (Mục I.9 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Nghị định thuộc trường hợp quy định tại Điều 4, điểm c khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành VB QPPL (Mục III.2 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Sản phẩm
2	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác soạn thảo, ban hành VB QPPL	6,5%						
a	Phê duyệt, ký trình cấp có thẩm quyền thông qua chủ trương ban hành chính sách	4,0%						Tờ trình được ký duyệt
	Bộ trưởng	2,0%						
	Thứ trưởng chỉ đạo trực tiếp	2,0%						
b	Rà soát hồ sơ và có ý kiến đối với hồ sơ xây dựng chính sách (Vụ Pháp chế)	2,5%						Ý kiến góp ý
3	Lấy ý kiến của cơ quan Đảng	4,0%						
	Rà soát hồ sơ, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ hồ sơ xây dựng chính sách (Văn phòng Đảng ủy)	1,0%						*Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ*
	Các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ phê duyệt dự thảo hồ sơ chính sách	3,5%						*Phiếu ý kiến của các thành viên Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ*

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Bộ luật mới, bộ luật thay thế bộ luật hiện hành (Mục I.1 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành (Mục I.2 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp (Mục I.4 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội (Mục I.6 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Pháp lệnh mới, pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành (Mục I.9 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Nghị định thuộc trường hợp quy định tại Điều 4, điểm c khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành VB QPPL (Mục III.2 Phụ lục II ban hành kèm theo NQ số 197/2025/QH15)	Sản phẩm
4	Rà soát, báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo (Văn phòng Bộ)	1,0%						
5	Rà soát thể thức, phát hành văn bản (Văn thư Bộ)	0,5%						
6	Thẩm định, phê duyệt dự toán chi tiết xây dựng văn bản (bộ phận chủ trì thẩm định dự toán)	2,0%						Quyết định phê duyệt dự toán
7	Thực hiện thanh quyết toán kinh phí xây dựng văn bản (bộ phận kế toán của đơn vị)	1,5%						
8	Tổng hợp dự toán, phân bổ và giao dự toán, tổng hợp quyết toán (Vụ KHTC)	4,0%						Văn bản gửi cấp có thẩm quyền và biên bản xét duyệt quyết toán

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Phụ lục III

NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI ĐỐI VỚI VĂN BẢN KHÔNG PHẢI XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

(Kèm theo Thông tư số 07 /2026/TT-BDTTG ngày 18/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (Mục I.3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật, luật hiện hành (Mục I.5 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Quốc hội (Mục I.7 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành (Mục I.8 Phụ lục Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành (Mục I.10 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) (Mục I.11 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết liên tịch giữa UBTVQH, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Mục I.12 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị định của Chính phủ thuộc điểm a và điểm b khoản 1 Điều 14 của Luật Ban hành VBQPPL (Mục III.3 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Chính phủ thuộc điểm c khoản 2 Điều 14 của Luật Ban hành VBQPPL (Mục III.4 phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Chính phủ thuộc điểm a và điểm b khoản 2 Điều 14 của Luật Ban hành VBQPPL (Mục III.5 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Mục III.6 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15	Sản phẩm
		3.920	**2.240**	**2.240**	**1.120**	**1.120**	**1.120**	**1.120**	**800**	**360**	**368**	**320**	**320**	
1	Soạn thảo và hoàn thiện văn bản (đã bao gồm kinh phí chi trả cho hoạt động lấy ý kiến TVCP theo quy định tại mục C.II.1.8 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP; phối hợp với Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp): Thực hiện theo nội dung 1, mục II, phần C Phụ lục I kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP	80,0%												VB QPPL được ký ban hành

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (Mục I.3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật, luật hiện hành (Mục I.5 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Quốc hội (Mục I.7 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành (Mục I.8 Phụ lục Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành (Mục I.10 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) (Mục I.11 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết liên tịch giữa UBTVQH, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Mục I.12 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị định của Chính phủ thuộc điểm a và điểm b khoản 1 Điều 14 của Luật Ban hành VBQPPL (Mục III.3 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Chính phủ thuộc điểm c khoản 2 Điều 14 của Luật Ban hành VBQPPL (Mục III.4 phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Chính phủ thuộc điểm a và điểm b khoản 2 Điều 14 của Luật Ban hành VBQPPL (Mục III.5 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Mục III.6 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15	Sản phẩm
2	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác soạn thảo, ban hành VB QPPL	6,5%												
a	Phê duyệt, ký trình cấp có thẩm quyền thông qua chủ trương ban hành chính sách	4,0%												Phiếu trình được ký duyệt
	Bộ trưởng	2,0%												
	Thứ trưởng chỉ đạo trực tiếp	2,0%												
b	Rà soát hồ sơ và có ý kiến đối với hồ sơ xây dựng chính sách (Vụ Pháp chế)	2,5%												Văn bản góp ý
3	Lấy ý kiến của cơ quan Đảng	4,5%												
	Rà soát hồ sơ, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ hồ sơ dự thảo xây dựng chính sách (Văn phòng Đảng ủy)	1,0%												*Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ*

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (Mục I.3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật, luật hiện hành (Mục I.5 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Quốc hội (Mục I.7 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành (Mục I.8 Phụ lục Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành (Mục I.10 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) (Mục I.11 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết liên tịch giữa UBTVQH, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Mục I.12 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị định của Chính phủ thuộc điểm a và điểm b khoản 1 Điều 14 của Luật Ban hành VBQPPL (Mục III.3 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Chính phủ thuộc điểm c khoản 2 Điều 14 của Luật Ban hành VBQPPL (Mục III.4 phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết của Chính phủ thuộc điểm a và điểm b khoản 2 Điều 14 của Luật Ban hành VBQPPL (Mục III.5 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15)	Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Mục III.6 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15	Sản phẩm
	Các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ phê duyệt dự thảo hồ sơ chính sách	3,5%												*Phiếu ý kiến của các thành viên Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ*
4	Rà soát, báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo (VP Bộ)	1,0%												VB QPPL được phát hành
5	Rà soát thể thức, phát hành văn bản (Văn thư Bộ)	0,5%												
6	Thẩm định, phê duyệt dự toán chi tiết xây dựng văn bản (bộ phận chủ trì thẩm định dự toán)	2,0%												Quyết định phê duyệt dự toán
7	Thực hiện thanh quyết toán kinh phí xây dựng văn bản (bộ phận kế toán của đơn vị)	1,5%												
8	Tổng hợp dự toán, phân bổ và giao dự toán, tổng hợp quyết toán (Vụ KHTC)	4,0%												Văn bản gửi cấp có thẩm quyền và biên bản xét duyệt quyết toán